

ĐỀ ÁN

**Khôi phục đàn lợn sau bệnh Dịch tả lợn Châu Phi
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025**

Phần thứ I

**SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ
XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

I. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Trong những năm qua, sản xuất chăn nuôi trên địa bàn tỉnh đã có những chuyển biến tích cực, chăn nuôi phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, phương thức chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung phát triển mạnh. Công tác chọn giống, cải tạo, nâng cao chất lượng đàn vật nuôi được triển khai thực hiện có hiệu quả. Các hoạt động chuyển giao và ứng dụng khoa học kỹ thuật, khuyến nông chăn nuôi tiếp tục được đẩy mạnh và áp dụng rộng rãi góp phần tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi. Trong xu thế phát triển chung của ngành chăn nuôi, chăn nuôi lợn những năm qua đã có những bước phát triển tốt, hình thức trang trại phát triển nhanh, trở thành lĩnh vực sản xuất chăn nuôi chính, phổ biến, mang lại hiệu quả kinh tế và gắn liền với đời sống của người nông dân trên địa bàn tỉnh. Tỷ trọng sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng chiếm trên 70% trong tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng toàn tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, chăn nuôi tỉnh Quảng Trị phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do biến động giá thị trường và dịch bệnh; đặc biệt bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP) đã xảy ra gây thiệt hại nặng nề cho chăn nuôi lợn trên địa bàn Quảng Trị.

Năm 2020, tình hình bệnh DTLCP có xu hướng giảm dần, nhiều địa phương đã hết dịch (*qua 21 ngày*) là điều kiện để người chăn nuôi thực hiện tái đàn lợn. Tuy nhiên, do đàn lợn nái và lợn đực giống khai thác tinh phục vụ công tác thụ tinh nhân tạo (TTNT) thiếu hụt trầm trọng dẫn đến nguồn cung lợn giống và tinh lợn phục vụ công tác TTNT không đáp ứng đủ nhu cầu của thị trường, đồng thời giá lợn giống tăng cao gây khó khăn cho công tác khôi phục và phát triển đàn lợn.

Để khôi phục đàn lợn, từng bước ổn định sản xuất chăn nuôi, thực hiện tốt tái cơ cấu chăn nuôi theo hướng tăng chất lượng hàng hoá, an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học trong thời gian tới, thì việc xây dựng và ban hành Đề án “**Khôi phục đàn lợn sau bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025**” là hết sức cần thiết và cấp bách.

II. Căn cứ Pháp lý xây dựng Đề án

- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH-14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội;
- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/06/2015 của Quốc hội.
- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ về việc hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;
- Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;
- Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;
- Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;
- Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 07/07/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, giai đoạn 2020 - 2025;
- Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 về việc phê duyệt chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2045;
- Thông tư số 08/2014/TT-BNNPTNT ngày 20/3/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;
- Thông tư số 16/2017/TT-BNNPTNT ngày 24/8/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu vệ sinh đối với cơ sở sản xuất tinh lợn;
- Thông tư số 22/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về quản lý giống và sản phẩm giống vật nuôi;
- Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;
- Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/2/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định tiêu chí kinh tế trang trại;
- Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07/7/2014 hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;
- Thông tư số 82/2019/TT-BTC ngày 15/11/2019 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi một số điều của Thông tư số 89/2014/TT-BTC ngày 07/7/2014 hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;
- Thông tư số 13/2014/TT-NHNN ngày 18/4/2014 của Ngân hàng Nhà nước Hướng dẫn việc cho vay theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm thiểu tổn thất trong nông nghiệp;

- Thông báo số 3496/TB-BNN-VP ngày 26/5/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc thông báo ý kiến kết luận của Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường tại Hội nghị thúc đẩy phát triển chăn nuôi lợn.

- Công văn số 3671/BNN-CN ngày 02/6/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường tái đàn lợn;

- Công văn số 5329/BNN-CN ngày 25/7/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường một số biện pháp kỹ thuật tổng hợp về an toàn sinh học trong chăn nuôi lợn để phòng, chống bệnh DTLCP.

- Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp gắn với thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025;

- Nghị quyết số 37/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định nội dung chi, mức chi các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Công văn số 3015/UBND-NN ngày 07/7/2020 của UBND tỉnh về việc xây dựng đề án hỗ trợ người chăn nuôi về giống lợn nái để khôi phục sản xuất sau Dịch tả lợn Châu Phi.

Phần thứ II

TÌNH HÌNH CHĂN NUÔI LỢN TỪ THỜI ĐIỂM XẢY RA BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI ĐẾN NAY

I. Thực trạng phát triển chăn nuôi lợn từ cuối năm 2018 đến nay

1. Tổng đàn lợn

Giai đoạn cuối 2018-2020, chăn nuôi lợn liên tiếp gặp nhiều khó khăn lớn như giá sản phẩm chăn nuôi lợn biến động liên tục, bệnh DTLCP xảy ra từ đầu năm 2019 đến nay đã gây thiệt hại hết sức nặng nề cho sản xuất chăn nuôi lợn. Tổng đàn lợn giảm nhanh, cuối năm 2019 (*thời điểm bệnh DTLCP được kiểm soát*) chỉ còn 109.777 con, giảm 54,9% so với thời điểm cuối năm 2018 (*thời điểm trước DTLCP*). Trong đó: đàn lợn nái còn 24.800 con, giảm 57,2%; đàn lợn đực giống phục vụ công tác TTNT chỉ còn 10 con, giảm 87,5%; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng năm 2019 đạt 27.491 tấn, giảm 5,28%. Tỷ trọng sản lượng thịt lợn hơi trong tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại có xu hướng giảm (từ 72,77% năm 2018 xuống còn 69,45% năm 2019).

Năm 2020, bệnh DTLCP có xu hướng giảm, người chăn nuôi tái đàn trở lại, tổng đàn lợn tăng dần, tính đến 01/7/2020 tổng đàn lợn toàn tỉnh 154.117 con (*trong đó: lợn thịt 128.913 con, lợn nái 25.204 con*), tăng 44.340 con so với cuối năm 2019 (*Số liệu tổng đàn chi tiết tại Phụ lục 1, 2*).

2. Công tác giống lợn

Trước thời điểm xảy ra dịch bệnh công tác giống lợn được thực hiện bài bản, quyết liệt, các giống lợn năng suất chất lượng cao được nhập nuôi và phổ biến rộng rãi như các giống: Yorshire, Landrace, Duroc, Pietran, Pi-Du và tổ hợp lai 2 máu, 3 máu của các giống, đã góp phần nâng cao chất lượng đàn giống, mang lại năng suất, hiệu quả cao trong chăn nuôi lợn. Tỷ lệ lợn ngoại, lợn lai ngoại chiếm 80,76% tổng đàn lợn toàn tỉnh. Cơ cấu đàn lợn nái chiếm 25% tổng đàn; lợn thịt 75% tổng đàn. Tuy nhiên, sau khi xảy ra dịch bệnh công tác quản lý gặp nhiều khó khăn, các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống lợn giảm dần, nhiều cơ sở phải xóa sổ, đặc biệt trên địa bàn tỉnh có 6 cơ sở chăn nuôi lợn đực giống thì có đến 4 cơ sở phải dừng hoạt động do đàn lợn bị bệnh DTLCP, tổng số lợn đực giống của 4 cơ sở bị chết và tiêu hủy 70 con.

3. Phương thức chăn nuôi lợn

Trong những năm qua các hình thức chăn nuôi lợn theo hướng trang trại, gia trại công nghiệp, bán công nghiệp ngày càng phát triển. Các mô hình liên kết như liên kết giữa người chăn nuôi với doanh nghiệp, liên kết giữa các hộ chăn nuôi ngày càng được nhân rộng và phát huy hiệu quả. Tuy nhiên, sau thời điểm xảy ra DTLCP, các trang trại chăn nuôi có xu hướng giảm dần, chăn nuôi lợn nông hộ gặp nhiều khó khăn, trong đợt dịch năm 2019 có 10.798 hộ có lợn bị dịch bệnh phải tiêu hủy, năm 2020 (tính đến ngày 05/8/2020) có 161 hộ chăn nuôi lợn có dịch phải tiêu hủy. Công tác tái đàn lợn tại các nông hộ hiện rất khó khăn do điều kiện chăn nuôi chưa đảm bảo, thiếu vốn, thiếu nguồn con giống.

Nhìn chung, chăn nuôi lợn tỉnh Quảng Trị vẫn chủ yếu là chăn nuôi nông hộ, nhỏ lẻ, kỹ thuật lạc hậu, phương thức chăn nuôi vẫn mang tính tận dụng và tự phát nên khi xảy ra dịch bệnh và thị trường biến động thì khả năng bị tổn thương cao. Chăn nuôi trang trại số lượng còn ít, toàn tỉnh hiện có 233 trang trại chăn nuôi lợn, trong đó có 22 trang trại chăn nuôi liên kết với các công ty thức ăn chăn nuôi, 01 trang trại được cấp giấy chứng nhận VietGAP. Tổng đàn lợn tại các trang trại chiếm gần 20% tổng đàn lợn toàn tỉnh.

4. Kết quả thực hiện chính sách trong chăn nuôi lợn

Để hỗ trợ người chăn nuôi vượt qua khó khăn UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố ưu tiên hỗ trợ chăn nuôi lợn, thực hiện các dự án phát triển sản xuất thuộc chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Trong năm 2018, hỗ trợ 01 Dự án “Liên kết phát triển chăn nuôi lợn an toàn theo tiêu chuẩn VietGap” tại xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ, tổng kinh phí hỗ trợ 300 triệu đồng. Năm 2019, hỗ trợ dự án “Liên kết phát triển chăn nuôi lợn theo hướng an toàn sinh học” tại xã Triệu Trạch, huyện Triệu Phong, tổng kinh phí hỗ trợ 300 triệu đồng. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có chính sách riêng nào cho phát triển chăn nuôi lợn tạo động lực để khôi phục và phát triển đàn lợn.

5. Tình hình dịch bệnh và công tác phòng chống dịch

Giai đoạn cuối 2018-2020, tình hình dịch bệnh trên đàn lợn diễn biến phức tạp, đặc biệt là 2 bệnh truyền nhiễm nguy hiểm là LMLM và DTLCP đã xảy ra trên diện rộng. UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai quyết liệt các biện pháp chống dịch theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT nên dịch bệnh cơ bản được khống chế.

- Năm 2019:

+ Dịch LMLM xảy ra trên đàn lợn. Số lợn mắc bệnh phải tiêu hủy là 1.428 con (*trong đó: 87 nái, 1.110 lợn thịt, 231 lợn con*); tổng trọng lượng tiêu hủy 61.073 kg;

+ Bệnh DTLCP: Từ ngày 25/3/2019 đến ngày 31/12/2019, dịch đã xảy ra tại 119 xã, phường, thị trấn của 9 huyện, thị xã, thành phố và huyện đảo Côn Cỏ buộc phải tiêu hủy **54.930** con (trong đó 16.161 lợn nái, 22.539 lợn thịt và 16.230 lợn con theo mẹ). Trong đó có nhiều xã, phường, thị trấn tái phát dịch từ 2-3 lần.

- Năm 2020: Bệnh DTLCP có xu hướng giảm dần, các ổ dịch xảy ra rải rác, tự phát tại chỗ, số lợn mắc bệnh, chết ít, không có hiện tượng lây lan sang các hộ dân liền kề; tính đến ngày 05/8/2020, bệnh DTLCP đã xảy ra tại 161 hộ chăn nuôi tại 78 thôn, 43 xã của huyện 06 huyện (Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng và Cam Lộ, thị xã Quảng Trị) với tổng số **851** con, trong đó có: 162 nái, 467 lợn thịt và 213 lợn con theo mẹ (*Số liệu lợn tiêu hủy do DTLCP chi tiết tại Phụ lục 3,4*)

II. Khó khăn, thách thức trong công tác khôi phục và phát triển đàn lợn hiện nay

- Do ảnh hưởng của bệnh DTLCP nên tổng đàn giảm, đặc biệt là đàn lợn nái hiện nay còn 25.204 con, đàn lợn đực giống khai thác tinh phục vụ công tác TTNT chỉ còn 10 con dẫn đến thiếu hụt con giống nghiêm trọng, đẩy giá cả con giống lên cao nên người chăn nuôi gặp nhiều khó khăn trong việc tái đàn;

- Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc phức tạp, đặc biệt là bệnh DTLCP đến nay vẫn chưa có vắc xin phòng bệnh và thuốc điều trị;

- Chăn nuôi tinh ta chủ yếu là chăn nuôi nông hộ, nhỏ lẻ nên việc áp dụng an toàn sinh học trong chăn nuôi để phòng bệnh gặp nhiều khó khăn, người chăn nuôi có tâm lý e dè và không muốn tái đàn;

- Người dân còn thiếu vốn để đầu tư vào sản xuất chăn nuôi;

- Giá thịt lợn tăng cao làm ảnh hưởng đến việc tiêu thụ thịt và các sản phẩm chăn nuôi, làm giảm sản lượng tiêu thụ thịt trên địa bàn;

- Hiện nay tỉnh vẫn chưa có chính sách riêng cho công tác khôi phục và phát triển đàn lợn sau thiệt hại nặng nề do bệnh DTLCP gây ra.

Phần thứ III

MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

I. Mục tiêu của đề án

1. Mục tiêu tổng quát

- Khôi phục và nâng cao chất lượng đàn lợn của tỉnh. Chủ động, đẩy mạnh sản xuất lợn giống chất lượng phục vụ người chăn nuôi tái đàn sau DTLCP, nhanh chóng ổn định sản xuất, bình ổn giá thịt lợn trên thị trường, góp phần thực hiện tốt công tác tái cơ cấu nông nghiệp;

- Kiểm soát bệnh DTLCP, thực hiện tái đàn lợn, góp phần ổn định sản xuất, đảm bảo cung cấp thực phẩm sạch cho người tiêu dùng.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Xây dựng được một số mô hình chăn nuôi lợn thịt an toàn sinh học, làm cơ sở để người chăn nuôi học tập và nhân rộng.

b) Khôi phục và phát triển đàn lợn đạt 243.000 con vào năm 2025, đàn lợn nái đạt trên 48.600 con (chiếm khoảng 20% tổng đàn lợn), đàn lợn đực giống phục vụ công tác TTNT trên 80 con. Nâng cao chất lượng đàn lợn nái, đưa tỷ lệ lợn nái ngoại, nái lai ngoại chiếm trên 85% tổng đàn lợn nái toàn tỉnh, đảm bảo nhu cầu lợn giống nuôi thịt trên địa bàn tỉnh.

II. Đối tượng, phạm vi thực hiện đề án

1. Đối tượng

- Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp (gọi chung là cơ sở chăn nuôi) thỏa mãn điều kiện hỗ trợ của đề án này;

- Trong đó, ưu tiên các cơ sở chăn nuôi bị thiệt hại do bệnh DTLCP, chăn nuôi lợn nái sinh sản và lợn đực giống phục vụ công tác TTNT.

2. Phạm vi thực hiện

- Đề án này quy định cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh nhằm khôi phục và phát triển đàn lợn theo hướng an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Đề án này không áp dụng cho cơ sở chăn nuôi theo hình thức gia công và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021-2025, cụ thể:

- Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn thịt an toàn sinh học: Thực hiện từ khi đề án được phê duyệt đến hết năm 2021;

- Hỗ trợ lãi suất vay vốn: Hỗ trợ lãi suất vay vốn giai đoạn 2021 - 2025: Tổng số 89.000 con lợn, trong đó lợn thịt 65.350, lợn nái 23.600, lợn đực giống 50 con.

III. Chính sách và cơ chế hỗ trợ

1. Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn thịt an toàn sinh học

a) Nguyên tắc áp dụng chính sách:

- Ưu tiên hỗ trợ cơ sở chăn nuôi lợn thịt bị thiệt hại do bệnh DTLCP; Các cơ sở sản xuất chăn nuôi lợn thịt có liên kết, chăn nuôi lợn ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi lợn an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường;

- Việc xét chọn dự án hỗ trợ được thực hiện từ cơ sở, đúng đối tượng, đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch;

- Trong trường hợp có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ cùng một nội dung, hộ sản xuất chỉ được nhận hỗ trợ một chính sách phù hợp nhất.

b) Định mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/mô hình. Định mức hỗ trợ gồm con giống, thức ăn, thuốc thú y, bồi dưỡng tập huấn, đào tạo, tuyên truyền, kiểm tra giám sát áp dụng theo Nghị quyết số 37/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị;

- Tổng số mô hình hỗ trợ: Không quá 09 mô hình. Trong đó: Không quá 01 mô hình/đơn vị cấp huyện.

c) Điều kiện hỗ trợ:

- Quy mô chăn nuôi từ 100 con trở lên đối với vùng đồng bằng, 50 con trở lên đối với vùng trung du, miền núi và tự nguyện cam kết chấp hành các quy định phòng, chống dịch bệnh và quy trình trình chăn nuôi an toàn sinh học;

- Đối với chuồng trại phải đáp ứng đủ quy mô nuôi, đảm bảo điều kiện thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học (*Theo nội dung công văn số 5329/BNN-CN ngày 25/7/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường một số biện pháp kỹ thuật tổng hợp về an toàn sinh học trong chăn nuôi lợn để phòng, chống bệnh DTLCP*), an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường (*có hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi Biogas hoặc đệm lót sinh học*);

- Cơ sở chăn nuôi chưa bị DTLCP hoặc đã bị DTLCP nhưng đã qua 21 ngày không tái phát bệnh DTLCP, thực đầy đủ việc tiêu độc khử trùng chuồng trại và môi trường chăn nuôi;

- Có thực hiện kê khai chăn nuôi với UBND cấp xã;

- Có đơn đăng ký nhu cầu hỗ trợ có xác nhận của UBND cấp xã.

d) Hình thức, phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần sau đầu tư, một phần chi phí mua con giống, thức ăn, thuốc thú y, vắc xin.

e) Kinh phí thực hiện:

- Tổng kinh phí thực hiện mô hình (09 mô hình x 369.540.000 đồng/mô hình): **3.325.860.000** đồng (*Ba tỷ, ba trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm sáu mươi ngàn đồng*);

- Tổng kinh phí ngân sách hỗ trợ (09 mô hình x 200.000.000 đồng/mô hình): **1.800.000.000** đồng (*Một tỷ, tám trăm triệu đồng*).

2. Hỗ trợ lãi suất vay vốn

2.1. Nguyên tắc áp dụng chính sách:

- Ưu tiên hỗ trợ cơ sở chăn nuôi bị thiệt hại do bệnh DTLCP; các cơ sở chăn nuôi phát triển lợn nái sinh sản, lợn đực giống phục vụ công tác thụ tinh nhân tạo; các cơ sở chăn nuôi lợn có liên kết, chăn nuôi lợn ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi lợn an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường;

- Việc hỗ trợ lãi suất chỉ áp dụng cho các dự án vay mới thỏa mãn điều kiện cho vay theo quy định của Ngân hàng để đầu tư trực tiếp và sản xuất chăn nuôi lợn theo cơ chế tín dụng thông thường;

- Việt xét chọn dự án cho vay hỗ trợ lãi suất được thực hiện từ cơ sở, đúng đối tượng, đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch;

- Trong trường hợp có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ cùng một nội dung, hộ sản xuất chỉ được nhận hỗ trợ một chính sách phù hợp nhất.

2.2. Định mức hỗ trợ lãi suất, định mức cho vay, lãi suất cho vay:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% lãi suất vốn vay tối đa trong 12 tháng cho cơ sở chăn nuôi lợn;

- Định mức cho vay được hỗ trợ lãi suất:

+ Không quá 200 triệu đồng/cơ sở chăn nuôi;

+ Đối với lợn thịt là: 2.000.000 đồng/con;

+ Đối với lợn nái là: 4.000.000 đồng/con;

+ Đối với lợn đực giống là: 15.000.000 đồng/con.

- Lãi suất cho vay:

+ Mức lãi suất của các ngân hàng cho vay công bố theo từng thời kỳ cụ thể đối với các dự án chăn nuôi thuộc phạm vi điều chỉnh của đề án. Mức lãi suất phải được ghi rõ trong hợp đồng tín dụng để làm cơ sở cho việc hỗ trợ;

+ Lãi suất cho vay tạm tính: 8%/năm (*dùng để khái toán ngân sách hỗ trợ*).

2.3. Điều kiện hỗ trợ:

a) *Điều kiện về hồ sơ vay vốn:*

Cơ sở chăn nuôi lợn có dự án, phương án sản xuất chăn nuôi lợn chứng minh được hiệu quả kinh tế, khả năng hoàn trả vốn vay theo quy định của ngân hàng cho vay và được UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã) phê duyệt.

b) *Điều kiện về quy mô, cơ sở vật chất, quy trình chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh:*

- Quy mô chăn nuôi: Lợn thịt từ 30-1.499 con; Lợn nái từ 5 con trở lên; Lợn đực giống phục vụ công tác TTNT từ 5 con trở lên và tự nguyện cam kết chấp hành các quy định phòng, chống dịch bệnh và quy trình trình chăn nuôi an toàn sinh học;

- Đối với chăn nuôi lợn thịt, lợn nái có chuồng trại đáp ứng đủ quy mô nuôi, đảm bảo điều kiện thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học (*Theo nội dung công văn số 5329/BNN-CN ngày 25/7/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường một số biện pháp kỹ thuật tổng hợp về an toàn sinh học trong chăn nuôi lợn để phòng, chống bệnh DTLCP*), an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường (*có hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi Biogas hoặc đệm lót sinh học*);

- Đối với chăn nuôi lợn đực giống phục vụ công tác TTNT đảm bảo đủ điều kiện theo QCVN số 01-184:2017/BNNPTNT ban hành tại Thông tư số 16/2017/TT-BNNPTNT ngày 24/8/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu vệ sinh đối với cơ sở sản xuất tinh lợn.

2.4. Hồ sơ, trình tự thực hiện hỗ trợ lãi suất:

a) Hồ sơ vay vốn:

- Dự án, phương án sản xuất chăn nuôi lợn đực UBND cấp xã phê duyệt;
- Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất có xác nhận của UBND cấp xã;
- Các loại giấy tờ, thủ tục vay vốn của ngân hàng cho vay theo quy định.

b) Trình tự thực hiện hỗ trợ lãi suất:

Bước 1: Những gói vay hỗ trợ lãi suất khi đến kỳ hạn thu lãi, ngân hàng cho vay thu toàn bộ (100%) số tiền lãi vay từ khách hàng theo quy trình tín dụng, đồng thời ngân hàng cho vay lập 03 bản Giấy xác nhận số tiền lãi được hỗ trợ, có chữ ký của ngân hàng và khách hàng vay (một bản ngân hàng cho vay giữ, một bản khách hàng vay giữ và một bản kèm danh sách chi tiết số tiền đề nghị hỗ trợ lãi suất gửi UBND cấp xã. Giấy xác nhận này được lập từng lần khi khách hàng trả lãi cho ngân hàng.

Bước 2: Định kỳ hàng quý, ngân hàng cho vay lập danh sách chi tiết số lãi đã thu của khách hàng vay và số tiền lãi đề nghị hỗ trợ kèm theo Giấy xác nhận số tiền lãi được hỗ trợ gửi UBND cấp xã.

Bước 3: UBND cấp xã kiểm tra, ký xác nhận vào danh sách, sau đó chuyển Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện hoặc Phòng Kinh tế thành phố, thị xã (sau 05 ngày nhận hồ sơ hợp pháp).

Bước 4: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện (Phòng Kinh tế thành phố, thị xã) kiểm tra, lập hồ sơ đề nghị phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phân bổ kinh phí cho các xã, thị trấn để thực hiện chi trả số tiền hỗ trợ lãi suất cho các hộ tham gia vay vốn.

Bước 5: Kho Bạc Nhà nước cấp huyện, thị xã, thành phố chuyển tiền hỗ trợ lãi suất qua UBND cấp xã (để thực hiện chi trả cho khách hàng vay).

Bước 6: Khách hàng vay vốn nhận tiền hỗ trợ lãi suất tại UBND xã, phường, thị trấn.

2.5. Thời gian thẩm định và chế độ báo cáo:

a) Thời gian thẩm định dự án, phương án sản xuất kinh doanh:

- UBND cấp xã thẩm định dự án, phương án sản xuất kinh doanh của khách hàng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ;
- Trường hợp không hỗ trợ phải trả lời bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức biết.

b) Chế độ báo cáo:

UBND các huyện, thành phố, thị xã; Ngân hàng Nhà nước báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2.6. Xử lý vi phạm và rủi ro

a) Trường hợp khách hàng sử dụng vốn vay không đúng mục đích thì ngân hàng cho vay tiến hành thông báo bằng văn bản cho các đơn vị liên quan về việc không hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay vi phạm và xử lý khoản vay theo quy chế cho vay hiện hành.

b) Trường hợp khách hàng gặp rủi ro do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh dẫn đến chưa trả được nợ theo kỳ hạn, khách hàng có đơn xin gia hạn nợ gửi ngân hàng cho vay, ngân sách nhà nước không hỗ trợ lãi suất vay trong thời gian gia hạn nợ.

2.7. Kinh phí thực hiện

- Tổng kinh phí thực hiện (không bao gồm chi phí xây dựng chuồng trại): **709.434.000.000** đồng (*Bảy trăm lẻ chín tỷ, bốn trăm ba mươi bốn triệu đồng*).

- Tổng kinh phí dự kiến hỗ trợ: **9.034.000.000** đồng (*Chín tỷ, không trăm ba mươi bốn triệu đồng*).

IV. Tổng kinh phí thực hiện đề án

1. Tổng kinh phí thực hiện đề án: 712.759.860.000 đồng (*Bảy trăm mười hai tỷ, bảy trăm năm mươi chín triệu, tám trăm sáu mươi ngàn đồng*).

2. Ngân sách Nhà nước hỗ trợ: 10.834 triệu đồng (*Mười tỷ, tám trăm ba mươi bốn triệu đồng*); Cụ thể:

- Xây dựng mô hình: 09 mô hình x 200 triệu đồng = **1.800 triệu đồng**;

- Hỗ trợ lãi suất vốn vay: **9.034 triệu đồng**.

3. Dự kiến phân kỳ hỗ trợ giai đoạn 2021-2025:

- **Năm 2021:** Tổng ngân sách hỗ trợ là **3.800 triệu đồng** (*Ba tỷ, tám trăm triệu đồng*); Trong đó:

+ Xây dựng mô hình: 09 mô hình x 200 triệu đồng = **1.800 triệu đồng**;

+ Hỗ trợ lãi suất vốn vay: **2.000 triệu đồng**.

- **Giai đoạn 2022 - 2025:** Dự kiến hỗ trợ lãi suất vay vốn mỗi năm **2.000 triệu đồng** (*Hai tỷ đồng*).

V. Giải pháp thực hiện

1. Giải pháp quy hoạch, tái cơ cấu

Tăng cường công tác rà soát, triển khai thực hiện quy hoạch vùng chăn nuôi ở các địa phương; chú trọng, tập trung thực hiện quy hoạch vùng chăn nuôi lợn; cần có sự kết hợp hài hòa giữa quy hoạch của địa phương, quy hoạch ngành và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Từng bước thực hiện chuyển đổi phương thức chăn nuôi từ nông hộ, nhỏ lẻ sang hướng chăn nuôi tập trung, chăn nuôi trang trại.

2. Giải pháp về thông tin, tuyên truyền

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến và quán triệt chủ trương, nội dung đề án đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong cả hệ thống chính trị, cán bộ chuyên môn, quản lý nhà nước các cấp, các doanh nghiệp và người nông dân. Đồng thời tuyên truyền, hướng dẫn người chăn nuôi quy trình chăn nuôi an toàn sinh học và thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc nhằm từng bước khôi phục và phát triển chăn nuôi lợn.

3. Giải pháp về con giống

- Đối với lợn nái, lợn thịt: Sử dụng giống lợn ngoại, lợn lai giữa các đực Landrace, Yorkshire và nái Móng Cái đủ tiêu chuẩn làm giống;

- Đối với lợn đực giống: Hỗ trợ, tạo điều kiện và khuyến khích các cơ sở chăn nuôi lợn đực giống khai thác tinh phục vụ công tác TTNT khôi phục lại đàn lợn đực giống, nhập nuôi các giống lợn đực ngoại thuần hoặc các tổ hợp lai của các giống lợn ngoại để tạo chất lượng đàn lợn thương phẩm. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đào tạo đội ngũ dẫn tinh, kiện toàn lại mạng lưới cung ứng tinh, truyền tinh đảm bảo hoạt động có hiệu quả.

4. Giải pháp về tăng cường liên kết sản xuất, thu hút đầu tư, xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại

Hỗ trợ phát triển các HTX, tổ hợp tác chăn nuôi lợn; nâng cao khả năng hoạt động của các HTX, tổ hợp tác chăn nuôi lợn. Thu hút doanh nghiệp, đối tác liên kết có đủ năng lực, đầu tư vào sản xuất chăn nuôi lợn và đầu tư cơ sở giết mổ chế biến trên địa bàn.

Cần tập trung vào các chính sách để hỗ trợ nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm thịt lợn thông qua xây dựng thương hiệu. Quảng bá thương hiệu các sản phẩm chăn nuôi lợn ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi lợn hữu cơ, chăn nuôi VietGAP, chăn nuôi lợn an toàn sinh học... Trên cơ sở đó, có chính sách hỗ trợ cho các Hợp tác xã/Tổ hợp tác tham gia các hội chợ, triển lãm tổ chức tại các tỉnh, thành phố khác trong nước và có thể là các hội chợ trong khu vực để tăng cường quảng bá sản phẩm.

5. Giải pháp về nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào trong chăn nuôi lợn. Áp dụng và phát triển quy trình chăn nuôi lợn theo tiêu chuẩn VietGAP, chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi công nghệ cao, chăn nuôi hữu cơ. Phát triển chăn nuôi theo quy mô trang trại tập trung, ứng dụng đồng bộ khoa học công nghệ trong các khâu giống, chuồng trại, thức ăn, kỹ thuật chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh. Khuyến khích ứng dụng công nghệ cao vào phát triển chăn nuôi, kiểm soát và chăn nuôi an toàn dịch bệnh, xử lý chất thải trong chăn nuôi bằng công nghệ khí sinh học, sử dụng men vi sinh nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường,...

6. Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực

Kiện toàn tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước trong lĩnh vực chăn nuôi từ cấp tỉnh đến cơ sở để nâng cao hiệu quả hoạt động, thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực chăn nuôi và hỗ trợ sản xuất. Tập trung vào việc đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ, nhận thức cho người chăn nuôi.

7. Giải pháp về thú y

Tăng cường công tác công tác phòng chống dịch bệnh, thường xuyên kiểm tra, giám sát điều kiện chăn nuôi, vệ sinh thú y các cơ sở chăn nuôi. Đẩy mạnh công tác tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm bắt buộc cho đàn lợn nhằm tạo ra miễn dịch quần thể, tiêm bổ sung cho số mới nhập đàn. Tổ chức hệ thống kiểm dịch tận cơ sở, kiểm soát chặt chẽ số lượng lợn giống đưa về nuôi trên địa bàn tỉnh, hướng dẫn nuôi cách ly và tiêm phòng bổ sung trước khi nhập đàn; thực hiện kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y động vật và các sản phẩm động vật lưu thông trên địa bàn.

8. Giải pháp về tài chính

Ưu tiên cân đối bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện đề án, đồng thời huy động và lồng ghép thêm nguồn lực xã hội hoá từ các chương trình, dự án khác để thực hiện đề án.

Phần thứ IV HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Hiệu quả kinh tế

Đề án thực hiện sẽ nâng cao năng suất, chất lượng đàn lợn nái trên địa bàn tỉnh, đảm bảo đáp ứng nhu cầu lượng lợn giống thương phẩm trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế cho người chăn nuôi, nâng cao tỷ trọng giá trị chăn nuôi trong cơ cấu giá trị ngành nông nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà.

Sau khi đề án kết thúc, dự kiến hàng năm 23.600 con lợn nái đã hỗ trợ sẽ sản xuất được trên 472.000 con lợn giống cung cấp cho người chăn nuôi; 48 lợn đực giống dự kiến sản xuất trên 210.000 liều tinh.

2. Hiệu quả xã hội

Đề án thực hiện thành công góp phần khôi phục, phát triển chăn nuôi lợn, ổn định cung cầu giống lợn, bình ổn giá lợn và giải quyết công ăn việc làm cho người chăn nuôi nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân góp phần đảm bảo an sinh xã hội tại địa phương; thay đổi phương thức chăn nuôi từ lạc hậu sang chăn nuôi tiên tiến áp dụng khoa học công nghệ; hỗ trợ tích cực cho việc thực hiện mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

3. Hiệu quả môi trường

Đề án thành công giúp thúc đẩy phát triển chăn nuôi lợn theo hướng chăn nuôi tập trung an toàn sinh học, chăn nuôi thâm canh, góp phần thực hiện tốt phòng chống dịch bệnh và ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi.

Phần thứ V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan thực hiện có hiệu quả đề án, chỉ đạo các đơn vị, địa phương thực hiện tốt một số nội dung:

- Chỉ đạo các địa phương đăng ký nhu cầu hỗ trợ, tổng hợp số lượng, kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phân bổ hàng năm;

- Tăng cường tuyên truyền sâu rộng đến người chăn nuôi chính sách hỗ trợ để người chăn nuôi nắm bắt, đăng ký thực hiện chính sách hỗ trợ;

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi việc thực hiện chính sách đảm bảo hỗ trợ đúng đối tượng, thực hiện công khai, minh bạch theo đúng quy định;

- Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện chính sách.

2. Sở Tài chính

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh hàng năm, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện;

- Hướng dẫn cho các địa phương thực hiện và thanh toán, quyết toán kinh phí theo đúng quy định;

- Tham gia cùng Sở Nông nghiệp và PTNT kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách.

3. Sở Công Thương: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng, quảng bá thương hiệu các sản phẩm chăn nuôi, tạo thuận lợi cho các cơ sở chăn nuôi đưa sản phẩm vào các siêu thị, tham gia các hội chợ, triển lãm để quảng bá và tăng cường tiêu thụ sản phẩm.

4. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Trị : Tăng cường thông tin tuyên truyền đến người chăn nuôi về chính sách hỗ trợ để khôi phục và phát triển sản xuất chăn nuôi lợn trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Khoa học và Công nghệ: Triển khai nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất các chế phẩm phục vụ chăn nuôi như chế phẩm trộn thức ăn, chế phẩm xử lý môi trường chăn nuôi; Nghiên cứu các quy trình, xây dựng, xây dựng mô hình sản xuất chăn nuôi khéo kín an toàn sinh học.

6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam -Chi nhánh Quảng Trị

- Chỉ đạo và hướng dẫn các ngân hàng cho vay về quy trình, hồ sơ, thủ tục thực hiện cho vay hỗ trợ lãi suất và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định;

- Phối hợp với Sở, Ban, ngành có liên quan và các địa phương tổ chức kiểm tra việc thực hiện hỗ trợ lãi suất khi có yêu cầu;

- Tổng hợp kết quả cho vay hỗ trợ lãi suất, báo cáo định kỳ cho UBND tỉnh, Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Phổ biến rộng rãi chủ trương hỗ trợ lãi suất đến tất cả các Ngân hàng cho vay để thực hiện.

7. Ngân hàng Thương mại

- Hướng dẫn các hồ sơ, thủ tục cho khách hàng vay vốn, đảm bảo việc cho vay được thuận tiện, an toàn và đúng đối tượng. Chủ trì thẩm định các yếu tố cho vay theo quy định;

- Công bố công khai lãi suất cho vay áp dụng cho các đối tượng được vay hỗ trợ lãi suất theo đề án này;

- Thực hiện việc kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay để bảo đảm việc hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định của pháp luật và tính hiệu quả đối với các khách hàng vay vốn;

- Thực hiện sao, lưu chứng từ, các báo cáo chi tiết theo từng khoản hỗ trợ lãi suất đảm bảo tính chính xác, minh bạch, rõ ràng để tạo điều kiện cho công tác thẩm tra số liệu quyết toán hỗ trợ lãi suất theo quy định này;

- Nếu phát hiện khách hàng sử dụng vốn sai mục đích thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất thì hông báo ngay cho UBND cấp xã, UBND cấp huyện để xử lý dừng hỗ trợ hoặc thu hồi nếu đã hỗ trợ;

- Tổ chức theo dõi, thống kê kịp thời, chính xác các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất, báo cáo UBND các cấp và cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát khi có yêu cầu.

8. Kho bạc Nhà nước các cấp

- Hướng dẫn các thủ tục mở tài khoản, các hồ sơ chứng từ nhận tiền hỗ trợ từ Kho bạc Nhà nước theo quy định về quản lý ngân sách và quản lý nguồn vốn thực hiện đề án;

- Thực hiện việc kiểm soát chi hỗ trợ lãi suất đối với các địa phương theo đúng mục đích quy định. Có quyền từ chối các khoản chi không đúng mục đích hỗ trợ lãi suất;

- Phối hợp với UBND cấp huyện và ngân hàng cho vay xử lý các khoản tiền thu hồi từ khách hàng nếu phát hiện sử dụng vốn sai mục đích;

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Kho bạc Nhà nước cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc chuyển tiền hỗ trợ lãi suất qua UBND xã, phường, thị trấn để thực hiện chi trả cho khách hàng vay.

9. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo các cơ quan liên quan cấp huyện và UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện có hiệu quả đề án này;

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phê duyệt đề cương, thuyết minh, dự toán các mô hình chăn nuôi lợn thịt an toàn sinh học, tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp gửi Sở Tài chính trình UBND tỉnh quyết định hỗ trợ thực hiện trong năm 2021;

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện; kịp thời phát hiện và đề xuất giải pháp xử lý các tình huống phát sinh trong thực tiễn để trình UBND tỉnh xem xét, bổ sung, sửa đổi phù hợp tình hình thực tế;

- Thực hiện quản lý, sử dụng và thanh toán, quyết toán nguồn ngân sách để hỗ trợ lãi suất theo quy định;

- Tổng hợp kết quả hỗ trợ lãi suất của các địa phương, báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, UBND tỉnh theo quy định.

10. UBND xã, phường, thị trấn

- Phê duyệt phương án sản xuất kinh doanh của các đối tượng vay vốn theo quy định này;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã xác nhận vào giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất của khách hàng vay;

- Phối hợp với tổ chức tín dụng trong việc kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng vốn vay của khách hàng khi có yêu cầu;

- Kịp thời phát hiện việc sử dụng vốn vay không đúng mục đích của khách hàng, báo cáo cấp trên xử lý;

- Thực hiện nhận tiền từ Kho bạc Nhà nước và chi trả phần lãi được hỗ trợ cho khách hàng vay;

- UBND cấp xã bố trí ngày cố định làm việc trong tuần để thực hiện việc chi trả hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay vốn.

11. Khách hàng vay vốn

- Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu để chứng minh mục đích vay vốn được hỗ trợ lãi suất và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất đã ghi trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp sử dụng vốn vay không đúng mục đích theo đối tượng thì không được hỗ trợ lãi suất và phải hoàn trả số tiền lãi đã được hỗ trợ trước đó, đồng thời bị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

12. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và tổ chức đoàn thể chính trị xã hội các cấp:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động hội viên, nhân dân tham gia thực hiện đề án;

- Phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát việc thực hiện đề án.

Phần thứ VI KẾT LUẬN

Thực hiện đề án “**Khôi phục đàn lợn sau bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025**” là hết sức cần thiết nhằm khôi phục sản xuất chăn nuôi lợn, bình ổn giá thịt lợn trên thị trường, thực hiện tốt công tác tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Việc triển khai đề án sẽ nâng cao chất lượng đàn lợn, đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, tạo sự đột phá về năng suất, chất lượng, tăng thu nhập cho người dân, đẩy mạnh phát triển sản xuất chăn nuôi lợn theo hướng an toàn sinh học, góp phần thực hiện thành công chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh./.

SK

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở: NN&PTNT, Tài chính, KH&ĐT, TT&TT;
- Đài PTTH, Báo Quảng Trị;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NN. *FO*

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Sỹ Đồng



Phụ lục 01

Tổng đàn lợn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2020 (Theo số liệu Cục Thống kê tỉnh Quảng Trị)

STT	Hạng mục	Năm 2018	Năm 2019	6 tháng đầu năm 2020	So sánh 2019/2018 (%)	Tăng giảm (%)
1.	Tổng đàn lợn (con), Trong đó:	243.243	109.777	154.117	45,1	-54,9
	- Lợn nái:	57.829	24.800	25.204	42,8	-57,2
	- Lợn đực TTNT:	80	10	10	12,5	-87,5
	- Lợn thịt:	185.334	84.967	128.903	45,8	-54,2
2.	Sản lượng thịt lợn hơi (tấn)	29.022	27.491	-	94,72	-5,28
3.	Tổng Sản lượng thịt hơi các loại (tấn)	39.879	39.583	-	99,3	-0,7
4.	Tỷ lệ SL thịt lợn hơi/tổng SL thịt hơi các loại (%)	72,77	69,45	-	-	-

Phụ lục 02
Tổng đàn lợn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2020 phân theo các huyện,
thị xã, thành phố
(Theo số liệu Cục Thống kê tỉnh Quảng Trị)



DVT:con

STT	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	6 tháng đầu năm 2020	Ghi chú
1	Đông Hà	5.747	3.007	3.576	
2	TX Quảng Trị	13.682	2.562	3.703	
3	Vĩnh Linh	42.734	26.043	40.226	
4	Hướng Hóa	23.314	13.049	15.973	
5	Gio Linh	33.449	15.570	21.730	
6	Đakrông	13.246	3.196	4.681	
7	Cam Lộ	18.484	11.636	15.839	
8	Triệu Phong	48.330	20.018	28.417	
9	Hải Lăng	44.205	14.696	19.972	
Toàn tỉnh		243.234	109.777	154.117	



Phụ lục 03
Tổng số lợn tiêu hủy do DTLCP năm 2019

Số liệu lợn tiêu hủy do DTLCP năm 2019 (con)					
TT	Đơn vị	Tổng số	Nái/đực giống	Thịt	Sữa
1	Vĩnh Linh	4.700	1.070	2.399	1.231
2	Gio Linh	4.703	963	3.045	695
3	Triệu Phong	12.561	4.480	3.831	4.250
4	Hải Lăng	28.559	8.574	10.900	9.085
5	Cam Lộ	1.565	355	962	248
6	Đakrông	242	72	120	50
7	Hướng Hóa	602	95	347	160
8	TX. Quảng Trị	1.281	427	427	427
9	TP. Đông Hà	694	121	489	84
10	Cồn Cỏ	23	4	19	0
	Tổng cộng	54.930	16.161	22.539	16.230



Phụ lục 04
Tổng số lợn tiêu hủy do DTLCP năm 2020

TT	Đơn vị	Số liệu lợn tiêu hủy do DTLCP năm 2020 (con)			
		Tổng số	Nái/đực giống	Thịt	Sữa
1	Vĩnh Linh	327	52	245	30
2	Gio Linh	189	41	92	56
3	Triệu Phong	101	34	2	65
4	Hải Lăng	87	29	5	53
5	Cam Lộ	131	1	130	0
6	TX. Quảng Trị	16	5	2	9
	Tổng cộng	851	162	476	213

Phụ lục 05
Dự toán 01 mô hình chăn nuôi lợn thịt an toàn sinh học



STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền	Chia ra:		Căn cứ để lập dự toán	Ghi chú
						Ngân sách Nhà nước	Cơ sở chăn nuôi		
1	Gióng lợn ngoại, các tổ hợp lai ngoại nuôi thịt (Vùng đồng bằng hỗ trợ 50%, giống lợn 10kg/con)	Con	100	2.000.000	200.000.000	100.000.000	100.000.000	Căn cứ Nghị quyết số 37/2020/NQ-HĐND tỉnh, ND số 83/2018/ND-CP	Đối với vùng trung du, miền núi hỗ trợ 70% giá giống
2	Thức ăn hỗn hợp công nghiệp (Vùng đồng bằng hỗ trợ 50% giá thức ăn chăn nuôi)				126.000.000	63.000.000	63.000.000	Căn cứ Nghị quyết số 37/2020/NQ-HĐND tỉnh, ND số 83/2018/ND-CP	Đối với vùng trung du, miền núi hỗ trợ 70% giá thức ăn chăn nuôi
a	Thức ăn hỗn hợp công nghiệp giai đoạn 10-20kg (hỗ trợ 50% tiền mua thức ăn hỗn hợp công nghiệp cho lợn giai đoạn lợn từ 10 kg đến 20kg, định mức thức ăn 20kg/con giai đoạn từ 10kg đến 20kg)	Kg	2.000	18.000	36.000.000	18.000.000	18.000.000		
b	Thức ăn hỗn hợp công nghiệp giai đoạn 20-45kg (hỗ trợ 50% tiền mua thức ăn hỗn hợp công nghiệp cho lợn giai đoạn lợn từ 20 kg đến 45kg định mức thức ăn 60 kg/con giai đoạn từ 20kg đến 45kg)	Kg	6.000	15.000	90.000.000	45.000.000	45.000.000		

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền	Chia ra:		Căn cứ để lập dự toán	Ghi chú
						Ngân sách Nhà nước	Cơ sở chăn nuôi		
3	Thuốc thú y, Vắc xin (hỗ trợ 50%)				13.080.000	6.540.000	6.540.000	Căn cứ Nghị quyết số 37/2020/NQ-HĐND tỉnh, ND số 83/2018/ND-CP	
<i>a</i>	<i>Thuốc thú y (theo thực tế sử dụng trong quá trình nuôi)</i>	<i>Lira</i>	<i>1</i>	<i>7.000.000</i>	<i>7.000.000</i>	<i>3.500.000</i>	<i>3.500.000</i>		
<i>b</i>	<i>Thẻ tai lợn</i>	<i>Cái</i>	<i>100</i>	<i>7.000</i>	<i>700.000</i>	<i>350.000</i>	<i>350.000</i>		
<i>c</i>	<i>Vắc xin LMLM</i>	<i>liều</i>	<i>100</i>	<i>19.800</i>	<i>1.980.000</i>	<i>990.000</i>	<i>990.000</i>		
<i>d</i>	<i>Vắc xin tai xanh</i>	<i>Liều</i>	<i>100</i>	<i>34.000</i>	<i>3.400.000</i>	<i>1.700.000</i>	<i>1.700.000</i>		
4	Tập huấn quy trình thực hành chăn nuôi an toàn sinh học (01 lớp, 35 người/lớp)				8.175.000	8.175.000			
<i>a</i>	<i>Pho to tài liệu</i>	<i>Bộ</i>	<i>35</i>	<i>15.000</i>	<i>525.000</i>	<i>525.000</i>	<i>-</i>		
<i>b</i>	<i>Giảng viên chính (cấp tỉnh)</i>	<i>Ngày</i>	<i>1</i>	<i>800.000</i>	<i>800.000</i>	<i>800.000</i>	<i>-</i>		
<i>c</i>	<i>Giảng viên phụ (cấp tỉnh)</i>	<i>Ngày</i>	<i>1</i>	<i>600.000</i>	<i>600.000</i>	<i>600.000</i>	<i>-</i>		
<i>d</i>	<i>In Market</i>	<i>Tám</i>	<i>1</i>	<i>500.000</i>	<i>500.000</i>	<i>500.000</i>	<i>-</i>		
<i>e</i>	<i>Tiền ăn học viên không lương lương ngân sách</i>	<i>Người</i>	<i>35</i>	<i>100.000</i>	<i>3.500.000</i>	<i>3.500.000</i>	<i>-</i>		
<i>f</i>	<i>Nước uống</i>	<i>Người</i>	<i>35</i>	<i>10.000</i>	<i>350.000</i>	<i>350.000</i>	<i>-</i>		
<i>g</i>	<i>Thuê Hội trường</i>	<i>Ngày</i>	<i>1</i>	<i>1.000.000</i>	<i>1.000.000</i>	<i>1.000.000</i>	<i>-</i>		
<i>h</i>	<i>Thuê máy chiếu</i>	<i>Ngày</i>	<i>1</i>	<i>500.000</i>	<i>500.000</i>	<i>500.000</i>	<i>-</i>		
<i>e</i>	<i>Văn phòng phẩm</i>				<i>250.000</i>	<i>250.000</i>			
<i>f</i>	<i>Phụ vụ lớp học</i>	<i>ngày</i>	<i>1</i>		<i>150.000</i>	<i>150.000</i>			

STT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền	Chia ra:		Căn cứ để lập dự toán	Ghi chú
						Ngân sách Nhà nước	Cơ sở chăn nuôi		
5	Chi phí kiểm tra, giám sát, theo dõi, chỉ đạo, tuyên truyền phổ biến môn hình:	Mô hình			22.285.000	22.285.000		TT 55/2015/TTLT BTC-BKHCN	
a	Thuê cán bộ kỹ thuật theo dõi chỉ đạo (5 ngày/tháng x 3 tháng x 4 cán bộ)	Ngày	60	139.000	8.340.000	8.340.000	-		
b	Thuê xe ô tô kiểm tra, triển khai dự án				6.000.000	6.000.000			
c	Hội nghị tổng kết, tuyên truyền phổ biến mô hình				7.300.000	7.300.000			
	Pho to tài liệu	Bộ	35	10.000	350.000	350.000			
	Báo cáo viên	Ngày	1	500.000	500.000	500.000			
	Tham luận hội nghị (03 tham luận, 200.000đ/bài tham luận)	bài	3	200.000	600.000	600.000			
	In Market	Tám	1	500.000	500.000	500.000			
	Tiền ăn đại biểu tham dự hội nghị	Người	35	100.000	3.500.000	3.500.000			
	Nước uống	Người	35	10.000	350.000	350.000			
	Thuê Hội trường	Ngày	1	1.000.000	1.000.000	1.000.000			
	Thuê máy chiếu	Ngày	1	500.000	500.000	500.000			
d	Văn phòng phẩm và các chi phí khác (nếu có)				645.000	645.000			
Tổng cộng					369.540.000	200.000.000	169.540.000		

Phụ lục 06
Kinh phí đầu tư (chưa tính lãi suất vay vốn)



TT	Đối tượng đầu tư	Tổng kinh phí (đồng)	Số lượng (con)	Chi phí/con lợn (đồng)		
				Thành tiền	Con giống	Thức ăn
1	Lợn thịt đến xuất chuồng	392.100.000.000	65.350	6.000.000	2.000.000	4.000.000
2	Lợn nái đến khi phối giống	306.800.000.000	23.600	13.000.000	4.000.000	9.000.000
3	Lợn đực giống	1.500.000.000	50	30.000.000		
Tổng cộng		700.400.000.000	89.000			



Phụ lục 07

Tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ lãi suất

ĐVT: Đồng

TT	Đối tượng đầu tư	Tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ lãi suất	Trong đó		
			Kinh phí người dân đầu tư	Kinh phí cho vay hỗ trợ lãi suất	Lãi suất hỗ trợ
1	Lợn thịt đến xuất chuồng	397.328.000.000	261.400.000.000	130.700.000.000	5.228.000.000
2	Lợn nái đến khi phối giống	310.576.000.000	212.400.000.000	94.400.000.000	3.776.000.000
3	Lợn đực giống	1.530.000.000	750.000.000	750.000.000	30.000.000
Tổng cộng		709.434.000.000	474.550.000.000	225.850.000.000	9.034.000.000

